

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2021

V/v: Tranh chấp Ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nghi

2. Ông Vi Ngọc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1989

HKTT: Bản Đỏ, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Tiên Thắng, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Hà Văn N**, sinh năm 1986

Trú tại: Bản Đỏ, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021; Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn N đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2014 tại UBND xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm, đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, dẫn đến quan điểm sống khác nhau, không tìm được

tiếng nói chung trong cuộc sống, làm ăn và nuôi dạy con cái. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh chị đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được, đến năm 2019 thì vợ chồng chị đã sống ly thân, chị về nhà ngoại tại huyện Quảng Xương sinh sống và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Hà Văn N có 01 con chung, tên cháu là: Hà Nguyễn H, sinh ngày 11/12/2014, hiện tại cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và cháu đang ở với chị. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Nguyễn H cho đến khi cháu trưởng thành, vì cháu là con gái, đang trong độ tuổi phát triển và chị làm công nhân may gần nhà có thu nhập thường xuyên từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ và anh N không có việc làm ổn định, nên chị không yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí HNGĐ sơ thẩm.

Tại Bản tự khai ngày 09/3/2021; Biên bản hòa giải, bị đơn Hà Văn N trình bày:

Về Hôn nhân: Anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc lừa dối, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng đến tháng 6 năm 2019 thì anh nghi ngờ chị N có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác ở Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Sau đó, chị N tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh không liên lạc được với chị N nữa. Nay anh xét thấy tình cảm anh dành cho chị N đang còn, mong muốn chị N quay về đoàn tụ, anh không muốn ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hà Nguyễn H, sinh ngày 11/12/2014, từ khi chị N bỏ nhà đi đã mang theo cả cháu Hà Nguyễn H. Nếu phải ly hôn, thì anh có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Hà Nguyễn H cho đến khi cháu trưởng thành. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Hà Nguyễn H chưa tròn 07 tuổi nên chưa có bản ghi ý kiến trong hồ sơ vụ án.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ

án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị N và anh N chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, nên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, chị N đã về nhà mẹ đẻ để ở và từ đó vợ chồng đã sống ly thân; hiện tại chị N thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị nhất quyết có nguyện vọng được ly hôn; Anh N cho rằng chị N có quan hệ ngoài luồng nhưng anh không chứng minh được và anh đang còn yêu thương vợ con, anh muốn chị N quay về đoàn tụ. Đại diện VKS thấy, mâu thuẫn của chị N và anh N đã đến mức trầm trọng, hai người đã sống ly thân, không tin tưởng nhau, nên cho chị Nghĩa được ly hôn với anh N là phù hợp. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian hôn nhân thì anh chị có 01 con chung, tên cháu là Hà Nguyễn H, sinh ngày 11/12/2014 hiện cháu đang ở với mẹ. Xét thấy, chị N làm công nhân, có thu nhập thường xuyên, con chung của anh chị là con gái, chị N có nguyện vọng muốn được nuôi con. Anh N cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng anh là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên. Nên xét về tâm sinh lý của cháu, thu nhập, điều kiện sống thì nên giao cháu Hà Nguyễn H cho chị N nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cả hai anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Về Hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hà Văn N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hà Nguyễn H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; anh Hà Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh Hà Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn, vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Hà Văn N có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi

có căn cứ của pháp luật, chị Nguyễn Thị N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N nộp 300.000^d án phí HNGĐ sơ thẩm.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Hà Văn N đang có hộ khẩu thường trú tại: Bản Đỏ, xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập, để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn; anh Hà Văn N là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hà Văn N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh Hà Văn N.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai của các đương sự, biên bản xác định mâu thuẫn, biên bản hòa giải và tại phiên tòa thì: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn N kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 08/3/2014 tại UBND xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến giữa năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, chị N cho rằng không còn tình cảm với anh Hà Văn N, nên nhất quyết xin ly hôn. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh Hà Văn N cho rằng anh đang còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly

hôn và cho rằng chị N có quan hệ ngoài luồng, nhưng anh không chứng minh được việc này. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn N không thể hàn gắn, mẫu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ lâu, nay chị N một mực có nguyện vọng muốn được ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Hà Văn N.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn Ninh, trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung là cháu Hà Nguyễn H, sinh ngày 11/12/2014, cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và đang ở với mẹ. Xét thấy, chị N làm công nhân, có thu nhập thường xuyên, con chung của anh chị là con gái, chị Nghĩa có nguyện vọng muốn được nuôi con. Anh N cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng anh là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên. Xét về tâm sinh lý của cháu, thu nhập, điều kiện sống và không nên làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu, sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển sau này và cũng như đề nghị của đại diện VKS. Nên HĐXX giao cháu Hà Nguyễn H cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành là phù hợp; Anh Hà Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX chấp nhận đề nghị này. Sau ly hôn, vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Hà Văn N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật; chị Nguyễn Thị N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 147, Điều 148, Điều 278 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Nguyễn Thị Nghĩa ly hôn với anh Hà Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 08/3/2014 của UBND xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp cho chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Hà Nguyễn H, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh Hà Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Anh Hà Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Hà Văn N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật; Chị Nguyễn Thị N có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0013207 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Phú Thanh, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Nguyễn Thị N;
- Bị đơn Hà Văn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

